藤沢市 高潮ハザードマップ

Storm surge hazard map
Mapa de áreas vulnerables por marea alta
Mapa de riscos de maré alta
暴潮灾害地图
폭풍 해일 해저드맵
Bản đồ cảnh báo nguy hiểm do triều cường

辻堂

令和５年度作成

藤沢市高潮ハザードマップについて

神奈川県は、水防法（昭和 24 年法律第 193 号）第 14 条の 3 に基づき、高潮浸水想定区域図を令和 3 年 8 月に公表しました。この高潮浸水想定区域図は、国内観測史上最も大きな台風が、沿岸に最悪の被害を与える経路で襲来した場合の最大となる高潮浸水区域、浸水深をシミュレーションにより予測したものとなります。
この高潮ハザードマップは、内水氾濫や想定最大規模の降雨による洪水などについては考慮されていないため、浸水想定区域外でも浸水する場合や実際の浸水深と異なる場合がありますのでご注意ください 。
ハザードマップを参考に、日頃から浸水が想定される区域を把握し、実際に避難する方向や避難場所を確認するなど、高潮が発生した場合に備えてください 。

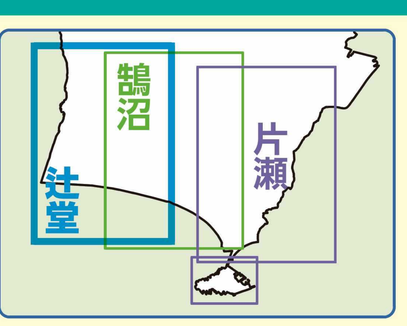

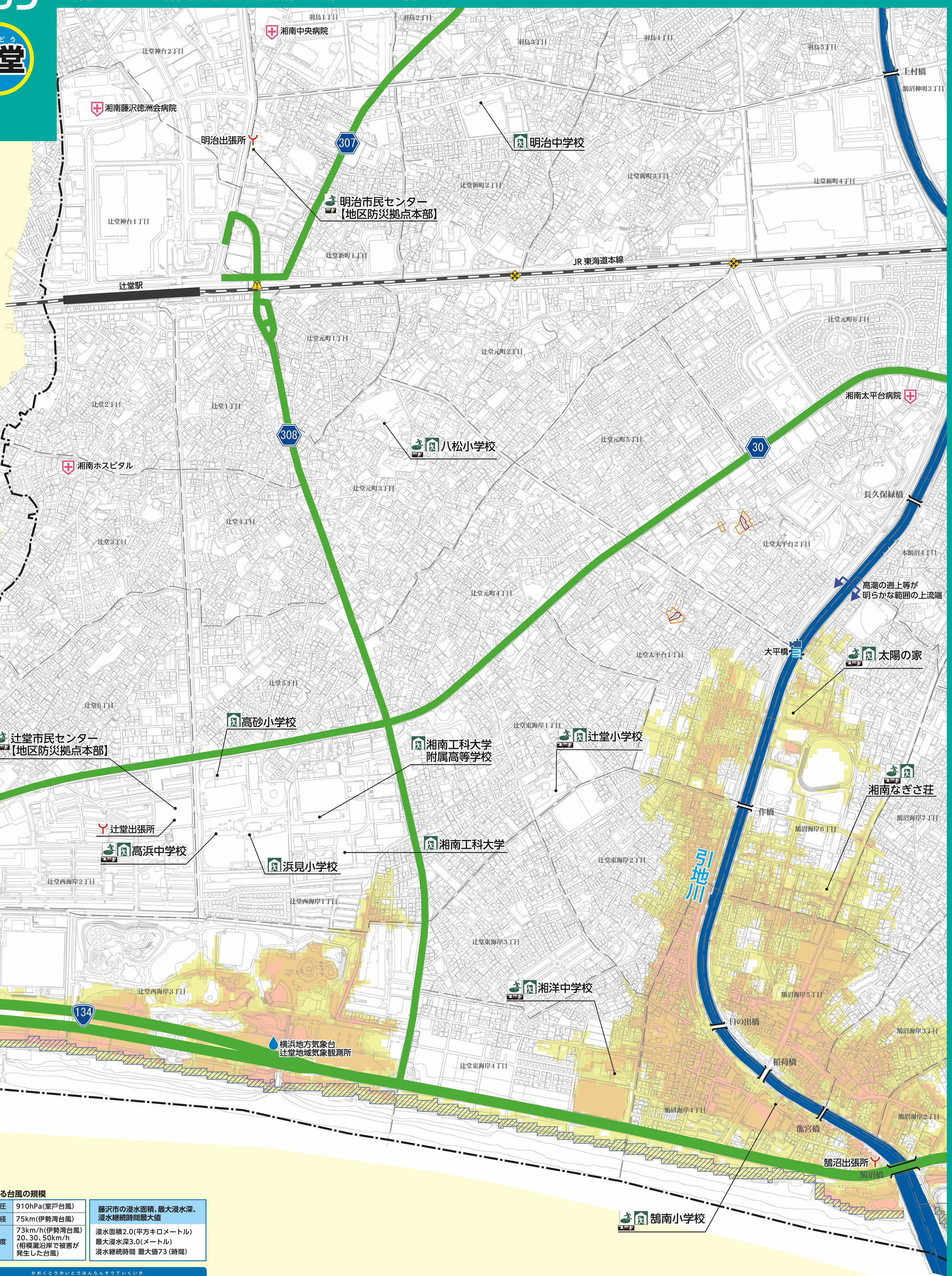

施設の凡例

指定緊急避難場所（高潮 洪水 がけ崩れ）	Designated Emergency Shelter / Refugio de emergencia designado / Local designado para evacuação de emergência / 指定紧急避难场所 / 지정 긴급 피난 장소 / Nơi lánh nạn khẩn cấp chỉ định
指定避難所	Designated emergency shelter / Refugio de emergencia designado / Abrigo designado / 指定紧急避难所 / 지정 피난소 / Nơi lánh nạn chỉ định
【地区防災拠点本部】	Local Disaster Preparedness Center / Centro local de prevención de desastres / Sede da base de prevenção de desastres do distrito / 地区防灾据点总部 / 지역 방재 거점 본부 / Trụ sở cứ điểm phòng chống tai họa của khu vực
消防署（出張所、分遣所）	Fire Station / Parque de bomberos / Corpo de Bombeiros / 消防署 / 소방서 / Sở cứu hỏa
警察署	Police Station / Comisaría de policía / Delegacia de Polícia / 警察署 / 경찰서 / Sở cảnh sát
医療機関	Medical institution / Institución médica / Instituição médica / 医疗机构 / 의료 기관 / Cơ sở y tế
雨量観測所	Rainfall measurement station / Estación pluviométrica / Observatório do volume de chuva / 雨量观测所 / 우량 관측소 / Trạm đo lượng nước mưa
水位観測所	Water level measurement station / Observatorio del nivel de agua / Observatório do nível da água / 水位观测所 / 수위 관측소 / Trạm đo mực nước
河川監視カメラ	River monitoring camera / Cámara de vigilancia del río / Câmera de monitoramento dos rios / 河川监控摄像头 / 하천 감시 카메라 / Camera giám sát sông ngòi
踏切	Railroad crossing / Paso a nivel / Passagem de nível / 铁路道口 / 건널목 / Giác chắn tàu
道路冠水注意箇所	Road flooding caution area / Lugar con precaución por inundación de carretera / Pontos de atenção para alagamento de estradas / 道路灌水注意场所 / 도로 침수 주의 지점 / Nơi lưu ý ngập lụt đường sá
高潮の遡上等が明らかな範囲の上流端	Upstream edge in storm surge run-up, etc / Punto de máxima amplitud de la marea alta / Extremidade a montante, onde a maré se propaga para cima dos rios / 暴潮逆流面上等最上游处 / 폭풍 해일이 하천을 거슬러 올라가 도달하는 최상류 지점 / Đầu thượng nguồn mà triều cường chảy ngược dòng
潮位観測所	Tide level station / Observatorio de nivel de la marea / Observatório do nível da maré / 潮位观测所 / 조위 관측소 / Trạm đo mực thủy triều
町丁目界	City Neighborhood Boundary / Límite de Barrio / Limite de Bairros / 町丁目界线 / 마을 표제 제 / Ranh giới chỗ-mê

想定する台風の規模

中心気圧	910hPa(室戸台風)
暴風半径	75km(伊勢湾台風)
移動速度	73km/h(伊勢湾台風) 20、30、50km/h (相模灘沿岸で被害が発生した台風)

藤沢市の浸水面積、最大浸水深、浸水継続時間最大値

浸水面積2.0(平方キロメートル)
最大浸水深3.0(メートル)
浸水継続時間 最大値73（時間）

家屋倒壊等氾濫想定区域※

家屋倒壊等氾濫想定区域とは、高潮によって家屋の流失・倒壊のおそれがある区域を示すものです。

氾濫流
浸水深と流速から、家屋の流失・倒壊をもたらすと考えられる区域

越波
高潮による水の塊が直接飛散してきた場合、家屋の流失・倒壊をもたらすと考えられる区域

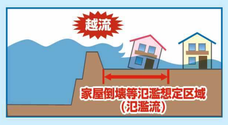

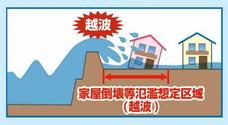

※一般的に家屋倒壊等氾濫想定区域及び最上階の浸水が想定されている区域が早期の立退き避難が必要な区域とされています。

高潮浸水想定区域※

高潮最大浸水深
Storm surge maximum inundation depth
Profundidad de inundación máxima por marea alta
Profundidade máxima de alagamento devido a maré alta
暴潮最大淹水深度
폭풍 해일 최대 침수 깊이
Độ sâu ngập lụt tối đa do triều cường

- 5.0m以上～10.0m未満（市域内に該当箇所なし）
- 3.0m以上～5.0m未満
- 1.0m以上～3.0m未満
- 0.5m以上～1.0m未満
- 0.3m以上～0.5m未満
- 0.01m以上～0.3m未満

土砂災害警戒区域等

土砂災害特別警戒区域(急傾斜)
Landslide special warning area (steep slope)
Área de alerta especial por desastre de deslizamiento de tierra (pendiente pronunciada)
Zona de alerta especial de deslizamento de terra (encosta íngreme)
土石流灾害特别警戒地区(陡坡)
토사 재해 특별 경계 구역(급경사)
Khu vực cảnh giác đặc biệt tai họa sạt lở đất（nhiều dốc đứng）

土砂災害警戒区域(急傾斜)
Landslide warning area (steep slope)
Área de alerta por desastre de deslizamiento de tierra (pendiente pronunciada)
Zona de alerta de deslizamento de terra (encosta íngreme)
土石流灾害警戒地区(陡坡)
토사 재해 경계 구역(급경사)
Khu vực cảnh giác tai họa sạt lở đất（nhiều dốc đứng）

急傾斜地崩壊危険区域
Steep slope collapse hazard area
Área de pendiente pronunciada con riesgo de derrumbamiento
Zona com risco de colapso de encosta íngreme
陡坡崩塌危险地区
급경사지 붕괴 위험 구역
Khu vực nguy hiểm nhiều dốc đứng dễ trượt đất

指定緊急避難場所（辻堂）

指定緊急避難場所は各災害に対して想定水位以上の高さに避難スペースがあります

施設名	所在地	地区防災拠点本部（連絡先）	高潮
明治市民センター	辻堂新町1-11-23	34-3444	
八松小学校	辻堂元町3-1-6		
辻堂市民センター	辻堂西海岸2-1-17	34-8661	●
辻堂小学校	辻堂東海岸1-17-1		●
湘洋中学校	辻堂東海岸4-17-1		●
高浜中学校	辻堂西海岸1-4-3		●
鵠南小学校	鵠沼海岸4-7-34		●
太陽の家	鵠沼海岸6-6-12		●
湘南なぎさ荘	鵠沼海岸6-17-7		●

指定緊急避難場所
指定緊急避難場所は、災害が起きた直後など、安全確保のために避難する場所です。

指定避難所
指定避難所は、災害によって自宅での生活などが困難になった際に、一時的に避難生活をする場所です。

要配慮者利用施設については、「藤沢市地域防災計画」の各論Ⅱ第3部「第19章 要配慮者利用施設の名称及び所在地」を参照ください。

藤沢市地域防災計画

N

0 125 250 500 m

1:5,000

藤沢市防災安全部防災政策課（令和８年３月印刷）
作成したハザードマップには、背景図として都市計画図（令和2年度作成）を使用しました。